

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2007/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản quy định tạm thời về một số nhiệm vụ quản lý
dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 139/TTr-SXD ngày 15/02/2007; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 21/BC-STP ngày 13/02/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản quy định tạm thời về một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 12/2006/QĐ-UBND ngày 10/02/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành Bản quy định tạm thời về một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN QUY ĐỊNH TẠM THỜI VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUẢN LÝ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND
ngày 15/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản quy định này quy định một số nội dung cơ bản về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và quy hoạch của cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước kể cả các dự án thành phần, Nhà nước quản lý toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư, lập thiết kế, tổng dự toán, lựa chọn nhà thầu, thi công xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng.

b) Đối với dự án của doanh nghiệp sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước thì Nhà nước chỉ quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư. Doanh nghiệp có dự án tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn khác và không do tỉnh quản lý thì phải được UBND tỉnh thoả thuận các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng,

quy mô, mục tiêu đầu tư, an ninh quốc phòng, môi trường và các nội dung liên quan khác trước khi quyết định đầu tư (không bao gồm các địa bàn đã có cơ chế riêng).

UBND tỉnh quản lý các dự án trên thông qua việc thẩm định thiết kế cơ sở, đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép xây dựng.

d) Đối với các dự án có sử dụng vốn tài trợ của nước ngoài:

Đối với những dự án không có quy định riêng về quản lý dự án khi cam kết với Nhà tài trợ thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp dự án có những điều khoản đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thoả thuận với Nhà tài trợ khác với quy định này thì thực hiện theo các điều khoản đã cam kết với Nhà tài trợ.

e) Những dự án đầu tư không xây dựng công trình như: mua sắm tài sản thiết bị, máy móc và các sản phẩm khoa học công nghệ không thuộc đối tượng áp dụng của Bản quy định này thì việc triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với tất cả các tổ chức và cá nhân thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, theo phân cấp của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

UBND tỉnh thực hiện phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư và phê duyệt các thủ tục đầu tư xây dựng cho Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn theo quy định tại Bản quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính dự kiến phân bổ vốn đầu tư hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Là đầu mối tổ chức thẩm định các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND tỉnh quản lý sau khi có văn bản thẩm định thiết kế cơ sở của các Sở chuyên ngành và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đầu tư;

- Tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu để trình người có thẩm quyền phê duyệt đối với các dự án thuộc vốn ngân sách Nhà nước do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư;

- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh theo quy định hiện hành đối với các cấp, các đơn vị và các dự án được UBND tỉnh phân cấp hoặc uỷ quyền cho cấp dưới;
- Chủ trì, phối hợp đánh giá tình hình thực hiện đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;
- Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các tổ chức tư vấn xây dựng, tổ chức thi công xây dựng;

3. Sở Xây dựng

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về xây dựng, nghiên cứu các cơ chế chính sách về quản lý xây dựng, quy hoạch xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;
- Giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; theo dõi, kiểm tra, phát hiện, xử lý và kiến nghị xử lý về chất lượng các công trình xây dựng;
- Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu;
- Kiểm tra, thanh tra hoạt động hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì phối hợp cùng với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi hướng dẫn về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo các quy định hiện hành. Thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà theo quy định hiện hành.

4. Các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

- Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành.

Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở là Sở có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở.

- Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; theo dõi, kiểm tra, phát hiện và kiến nghị xử lý về chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sở phụ trách.

5. Sở Tài chính

- Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư XDCCB các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước hằng năm trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn đầu tư và đề xuất các giải pháp huy động các nguồn vốn khác đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định phương án bồi thường theo qui định; phối hợp với Sở Xây dựng ban hành thông báo giá vật liệu xây dựng hàng quý để áp dụng cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Thanh tra, kiểm tra tài chính đối với dự án của các tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước;

- Hướng dẫn và tổ chức công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước và các nguồn vốn khác do tỉnh quản lý đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

6. Kho bạc Nhà nước

- Mở tài khoản cho chủ đầu tư để tạm ứng và thanh toán vốn đầu tư khi có đủ điều kiện;

- Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ thống nhất, đảm bảo quản lý vốn chặt chẽ; đồng thời phải thuận tiện cho chủ đầu tư;

- Căn cứ vào kế hoạch vốn do UBND tỉnh giao, mức vốn được cơ quan tài chính thông báo và cơ cấu vốn đầu tư trong tổng dự toán đã được phê duyệt để tạm ứng, thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của công trình, dự án theo tiến độ, thời gian theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc nhận, sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và thanh toán trong đầu tư xây dựng;

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán đối với các dự án trong phạm vi quản lý; có nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư về quá trình đầu tư của dự án;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo qui định hiện hành của Nhà nước.

7. Các Sở, ngành và cơ quan có liên quan (về đất đai, tài nguyên, môi trường, công nghệ, sinh học, bưu chính viễn thông, bảo tồn, bảo tàng di tích, di sản văn hóa, quốc phòng, an ninh, phòng cháy và chữa cháy ...):

Có trách nhiệm xem xét và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề có liên quan của dự án đầu tư xây dựng công trình trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có chức năng thẩm định. Sau thời gian qui định trên, nếu không có ý kiến trả lời thì được xem như đã thống nhất với ý kiến đề nghị của cơ quan có chức năng thẩm định và chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan đến dự án về các nội dung được đề nghị trả lời.

8. UBND các huyện, thành phố

UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, quyền hạn, thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với tất cả các tổ chức và cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại địa phương mình; quản lý dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

9. UBND các xã, phường, thị trấn

UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND các xã, phường thị trấn quyết định đầu tư hoặc cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chủ đầu tư

1. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình là đơn vị quản lý, sử dụng công trình.

b) Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

Đơn vị sẽ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư để quản lý đầu tư xây dựng công trình và tiếp nhận quản lý, sử dụng khi công trình hoàn thành.

c) Chủ đầu tư xây dựng công trình được người quyết định đầu tư quyết định khi phê duyệt chủ trương đầu tư.

2. Các dự án sử dụng vốn tín dụng thì người vay vốn là chủ đầu tư.

3. Đối với các dự án sử dụng vốn hỗn hợp thì chủ đầu tư do các thành viên góp vốn thoả thuận cử ra hoặc là người có tỷ lệ góp vốn cao nhất.

4. Các dự án sử dụng vốn khác thì chủ đầu tư là chủ sở hữu vốn hoặc là người đại diện theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các hình thức quản lý dự án

1. Căn cứ vào điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân, yêu cầu của dự án, người quyết định đầu tư xây dựng công trình quyết định lựa chọn một trong các hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sau đây:

a) Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án khi Chủ đầu tư xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

b) Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án khi Chủ đầu tư xây dựng công trình có đủ điều kiện, năng lực về quản lý dự án theo quy định.

2. Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án để giúp chủ đầu tư làm đầu mối quản lý dự án. Ban quản lý dự án phải có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo yêu cầu của chủ đầu tư. Ban quản lý dự án có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban quản lý dự án không có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhưng phải được sự đồng ý của chủ đầu tư.

3. Đối với dự án có quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng thì chủ đầu tư có thể không lập Ban quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý thực hiện dự án.

4. Trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm, quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia quản lý nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận và phù hợp với hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình hoặc chỉ định đầu mối để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.

5. Năng lực của Giám đốc Ban quản lý dự án do Chủ đầu tư thành lập phải có đủ các điều kiện sau:

Giám đốc Ban quản lý dự án phải có trình độ đại học thuộc một trong các chuyên ngành xây dựng:

- Nhóm A: có thời gian công tác tối thiểu 07 năm;
- Nhóm B, C: có thời gian công tác tối thiểu 05 năm;

Riêng đối với các huyện miền núi, hải đảo: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà, Minh Long, Ba Tơ, Lý Sơn; những người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp thuộc một trong các chuyên ngành xây dựng, có kinh nghiệm trong công tác tối thiểu 5 năm được làm Giám đốc Ban quản lý dự án nhóm B và tối thiểu 3 năm được làm Giám đốc Ban quản lý dự án nhóm C.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án

1. Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng đảm bảo tính hiệu quả, tính khả thi của dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật. Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức tư vấn quản lý dự án có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý để giúp chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.

2. Tư vấn quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thoả thuận trong hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án. Tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng.

Năng lực của Giám đốc tư vấn quản lý dự án và tổ chức tư vấn quản lý dự án phải tuân theo đúng các quy định tại Điều 55 và 56 của Nghị định 16/2005/NĐ-CP.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và Ban quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án

1. Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng đảm bảo tính hiệu quả, tính khả thi của dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật. Chủ đầu tư có trách nhiệm thành lập Ban quản lý dự án để giúp chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án. Việc giao nhiệm vụ và uỷ quyền cho Ban quản lý dự án phải được thể hiện trong quyết định thành lập Ban quản lý dự án. Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án.

2. Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ do chủ đầu tư giao và quyền hạn do chủ đầu tư uỷ quyền. Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ được giao và quyền hạn được uỷ quyền.

Điều 8. Điều kiện năng lực của các tổ chức tư vấn thiết kế xây dựng công trình, tư vấn giám sát và tổ chức thi công xây dựng công trình

Điều kiện năng lực của các tổ chức tư vấn thiết kế xây dựng công trình, tư vấn giám sát, tổ chức thi công xây dựng công trình theo Điều 61, 62, 64 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP.

Đối với các tổ chức thi công xây dựng công trình còn phải chấp hành các quy định sau:

- Không được sử dụng tư cách pháp lý của tổ chức khác để tham gia dự thầu; dàn xếp, mua, bán thầu hoặc thông đồng, móc ngoặc với Chủ đầu tư trong đấu thầu;
- Phải thực hiện nghiêm túc việc sửa chữa hư hỏng (nếu có) trong quá trình thi công và trong thời gian bảo hành công trình theo quy định. Hết thời hạn bảo hành và trong chu kỳ khai thác đầu tiên, nếu công trình xảy ra sự cố, sau khi xác định rõ nguyên nhân do thi công không đảm bảo chất lượng thì tổ chức thi công xây dựng công trình vẫn phải chịu trách nhiệm.

Chương II

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Mục 1

KẾ HOẠCH HÓA ĐẦU TƯ

Điều 9. Nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn ngân sách hàng năm

1. Các dự án đầu tư được ghi kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng.
2. Việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải đảm bảo yêu cầu ưu tiên, như sau:
 - Hoàn trả đủ các khoản ngân sách tạm ứng, vay nợ, đã ứng trước dự toán năm sau.
 - Bố trí vốn đối ứng cho các công trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn đầu tư ngoài nước.
 - Bố trí vốn thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản và những dự án chuyển tiếp.
 - Phần còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới.
3. Các dự án, tiểu dự án được ghi kế hoạch vốn thực hiện đầu tư, Chủ đầu tư phải hoàn chỉnh việc phê duyệt dự án, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán chậm nhất là ngày 30/10 của năm trước năm kế hoạch.
4. Trong quá trình điều hành kế hoạch, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố xem xét khả năng thực hiện dự án của các Chủ đầu tư để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư vào đầu tháng 7 và cuối tháng 12 hàng năm. Đối với những dự án không có khả năng thực hiện hết vốn trong năm kế hoạch, Chủ đầu tư phải có giải trình về việc

giảm vốn trước ngày 15/12 của năm để UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố chủ động điều hành. Trường hợp Chủ đầu tư không báo cáo giải trình để thừa vốn trong năm kế hoạch thì Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Mục 2

CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Điều 10. Công tác chuẩn bị đầu tư

1. Kế hoạch chuẩn bị đầu tư

Căn cứ các loại quy hoạch đã được phê duyệt, các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm kèm theo danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên, báo cáo cấp quyết định đầu tư đồng thời gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách huyện, thành phố vào cuối tháng 6 năm trước của năm kế hoạch.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có trách nhiệm tổng hợp, dự kiến kế hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án trên địa bàn thuộc tỉnh, huyện, thành phố quản lý, trình UBND cùng cấp quyết định cùng lúc với việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm.

2. Quyết định chủ đầu tư và phê duyệt chủ trương đầu tư

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thì chủ đầu tư xây dựng công trình do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án đầu tư.

b) Căn cứ vào kế hoạch được giao, cơ quan đầu mối được giao kế hoạch lập chủ trương đầu tư trình người quyết định đầu tư phê duyệt thông qua các cơ quan đầu mối:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố là cơ quan đầu mối đối với các dự án thuộc ngân sách huyện, thành phố.

UBND tỉnh không cho chủ trương chuẩn bị đầu tư đối với từng công trình riêng lẻ ngoài kế hoạch, những trường hợp đặc biệt sẽ được Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Nội dung chủ trương đầu tư của dự án gồm: Tên dự án, chủ đầu tư, sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm xây dựng, khái toán tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, thời gian thực hiện.

Cơ quan đầu mối được giao kế hoạch vốn XD CB làm việc trực tiếp với các sở xây dựng chuyên ngành hoặc các cơ quan chuyên môn của cấp huyện để có ý kiến thoả thuận về quy mô đầu tư và quy hoạch của dự án trước khi trình phê duyệt chủ trương đầu tư.

Điều 11. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình

1. Khi đầu tư xây dựng các công trình sau đây, chủ đầu tư không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình để trình người quyết định đầu tư phê duyệt:

a) Công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo;

b) Các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng; trừ trường hợp người quyết định đầu tư thấy cần thiết và yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Nội dung của Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 của Luật Xây dựng.

3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quy định tại Điều 15 Bản quy định này có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và quyết định đầu tư.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công để trình người quyết định đầu tư phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Khi thẩm định thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chủ đầu tư chỉ thẩm định những nội dung như quy định đối với thẩm định thiết kế cơ sở nêu tại khoản 2 Điều 14 của Bản quy định này.

Sau khi Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được phê duyệt, chủ đầu tư phải thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán nêu tại Điều 21 của Bản quy định này trước khi đưa ra thi công.

Điều 12. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Khi đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải tổ chức lập dự án để làm rõ về sự cần thiết phải đầu tư và hiệu quả đầu tư xây dựng công trình trừ những công trình lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình ở khoản 1 Điều 11 của Bản quy định này.

2. Nội dung lập dự án gồm phần thuyết minh dự án quy định ở Điều 6 Nghị định 16/2005/NĐ-CP và phần thiết kế cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 112/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đối với các dự án nhóm B chưa có trong quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng thì trước khi lập dự án phải có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về quy hoạch.

Điều 13. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm thẩm định phần thuyết minh và thẩm định thiết kế cơ sở của dự án.

Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự án trước khi phê duyệt. Đầu mỗi thẩm định dự án là đơn vị chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư. Đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền tại khoản 5 Điều này và lấy ý kiến các cơ quan liên quan để thẩm định dự án.

2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định dự án.

- UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư. Đầu mỗi thẩm định dự án là đơn vị có chức năng quản lý kế hoạch ngân sách trực thuộc người quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án khác, sau khi có văn bản thẩm định thiết kế cơ sở của các cơ quan có thẩm quyền thì người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định dự án.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù thì việc thẩm định dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ.

5. Thẩm định thiết kế cơ sở:

a) Đối với dự án nhóm A, không phân biệt nguồn vốn: Chủ đầu tư lập tờ trình gửi UBND tỉnh để xin Bộ, Ngành Trung ương thẩm định.

b) Đối với các dự án nhóm B, C, không phân biệt nguồn vốn (trừ các dự án nhóm B, C quy định tại điểm c, điểm d của khoản 5 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình), việc thẩm định thiết kế cơ sở được thực hiện như sau:

Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy, luyện kim và các công trình công nghiệp chuyên ngành;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đê điều;

Sở Giao thông Vận tải tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;

Sở Xây dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thì Sở Xây dựng chủ trì, có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở.

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định thiết kế cơ sở các dự án về xử lý môi trường.

Sở Bưu chính Viễn thông thẩm định thiết kế cơ sở các dự án thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở là một trong các Sở nêu trên có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở.

6. Cơ quan tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở tới đơn vị đầu mối thẩm định dự án. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở không quá 30 ngày làm việc đối với dự án quan trọng quốc gia, 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 ngày làm việc với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 14. Nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình của người quyết định đầu tư:

a) Xem xét các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư; các yếu tố đầu vào của dự án; quy mô, công suất, công nghệ, thời gian, tiến độ thực hiện dự án; phân tích tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

b) Xem xét các yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án, bao gồm: sự phù hợp với quy hoạch; nhu cầu sử dụng đất, tài nguyên (nếu có); khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ của dự án; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; kết quả thẩm định thiết kế cơ sở; khả năng hoàn trả vốn vay; giải pháp phòng, chống cháy nổ; các yếu tố ảnh hưởng đến dự án như quốc phòng, an ninh, môi trường trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền:

a) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng; sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào;

b) Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ;

c) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở theo quy định.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C; trừ những dự án được phân cấp, ủy quyền theo quy định dưới đây:

Phân cấp:

a) Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư các dự án thuộc ngân sách huyện, thành phố sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp, như sau:

- Đối với thành phố Quảng Ngãi và các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành: quyết định đầu tư các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có mức vốn dưới 05 tỷ đồng.

- Đối với các huyện: Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ, Lý Sơn: quyết định đầu tư các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

b) Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn được quyết định đầu tư các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có mức vốn dưới 01 tỷ đồng.

Ủy quyền:

Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có mức vốn dưới 05 tỷ đồng thuộc vốn tỉnh quản lý, sau khi có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn khác, vốn hỗn hợp có ngân sách hỗ trợ với tỷ lệ thấp hơn các nguồn vốn khác thì Chủ đầu tư gửi văn bản đến cơ quan đầu mối thẩm định dự án để thẩm tra trình cấp có thẩm quyền thoả thuận trước khi quyết định đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình (đối với những dự án có tổng mức đầu tư theo mức vốn đã phân cấp, uỷ quyền, nếu thuộc ngân sách huyện, thành phố hỗ trợ thì UBND huyện, thành phố thoả thuận).

3. Đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng, ngoài văn bản thẩm định thiết kế cơ sở còn phải có văn bản thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ của tổ chức cho vay vốn trước khi trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 16. Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Tổng mức đầu tư dự án là khái toán chi phí của toàn bộ dự án được xác định trong giai đoạn lập dự án, gồm chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí khác bao gồm cả vốn lưu động đối với các dự án sản xuất kinh doanh, lãi vay trong thời gian xây dựng và chi phí dự phòng.

2. Tổng mức đầu tư dự án được ghi trong quyết định đầu tư là cơ sở để lập kế hoạch và quản lý vốn đầu tư, xác định hiệu quả đầu tư của dự án. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tổng mức đầu tư là giới hạn chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình.

3. Tổng mức đầu tư dự án được xác định trên cơ sở khối lượng các công việc cần thực hiện của dự án, thiết kế cơ sở, suất vốn đầu tư, chi phí chuẩn xây dựng, chi phí xây dựng của các dự án có tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật tương tự đã thực hiện.

Điều 17. Thẩm định và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư

Chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được lập dự toán gửi các cơ quan đầu mối để thẩm định và trình người quyết định đầu tư phê duyệt. Chi phí này được tính vào tổng mức đầu tư, tổng dự toán khi dự án được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thẩm định đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố là cơ quan đầu mối thẩm định đối với các dự án thuộc ngân sách huyện, thành phố và các dự án được ủy quyền quyết định đầu tư.

Điều 18. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được quyết định đầu tư chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần; dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án.

2. Khi điều chỉnh dự án không làm thay đổi quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì Chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh dự án. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi thiết kế cơ sở về kiến trúc, quy hoạch, quy mô, mục tiêu đầu tư ban đầu hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì Chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Những nội dung thay đổi phải được thẩm định lại.

3. Người quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Mục 3 THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

Điều 19. Tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Sau khi có văn bản thẩm định thiết kế cơ sở, các Chủ đầu tư phải tiến hành lập ngay phương án bồi thường giải phóng mặt bằng để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các dự án quan trọng, dự án cấp bách, các dự án trong đô thị, trước khi khởi công phải cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

2. Chủ đầu tư và chính quyền ở từng địa phương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng đối với tất cả các công trình trên địa bàn.

3. Hội đồng thẩm định phương án bồi thường của tỉnh, Hội đồng bồi thường của huyện, thành phố phải thực hiện nghiêm túc quy định của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Ngoài ra tùy tình hình thực tế của từng dự án mà UBND tỉnh có chủ trương thực hiện riêng cho phù hợp.

Điều 20. Các bước thiết kế xây dựng công trình

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình có thể gồm một hoặc nhiều loại công trình với một hoặc nhiều cấp công trình khác nhau theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Tùy theo quy mô, tính chất của công trình xây dựng, việc thiết kế xây dựng công trình có thể được thực hiện theo một bước, hai bước hoặc ba bước như sau:

a) Thiết kế một bước là thiết kế bản vẽ thi công áp dụng đối với công trình chỉ lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình được quy định tại khoản 1 Điều 11 của Bản quy định này;

b) Thiết kế hai bước bao gồm bước thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công áp dụng đối với công trình quy định phải lập dự án trừ các công trình được quy định tại điểm c, khoản 1, điều này;

c) Thiết kế ba bước bao gồm bước thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công áp dụng đối với công trình quy định phải lập dự án và có quy mô là cấp đặc biệt, cấp I và công trình cấp II có kỹ thuật phức tạp do người quyết định đầu tư quyết định.

Trường hợp thực hiện thiết kế hai bước hoặc ba bước thì các bước thiết kế tiếp theo phải phù hợp với bước thiết kế trước đã được phê duyệt.

2. Đối với những công trình đơn giản như hàng rào, lớp học, trường học, nhà ở thì có thể sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để triển khai thiết kế bản vẽ thi công.

3. Thiết kế xây dựng phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải được thể hiện trên các bản vẽ theo quy định. Thiết kế phải thể hiện được các khối lượng công tác xây dựng chủ yếu để làm cơ sở xác định chi phí xây dựng công trình.

Điều 21. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình

1. Thẩm định, phê duyệt:

a) Chủ đầu tư tự tổ chức việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán đối với những công trình xây dựng phải lập dự án;

b) Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của hạng mục, công trình trước khi đưa ra thi công phải được thẩm định, phê duyệt.

2. Nội dung thẩm định thiết kế:

a) Sự phù hợp với các bước thiết kế trước đã được phê duyệt;

b) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Đánh giá mức độ an toàn công trình;

d) Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ, nếu có;

e) Bảo vệ môi trường; phòng, chống cháy, nổ;

3. Nội dung thẩm định dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình gồm:

a) Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế và khối lượng dự toán;

b) Tính đúng đắn của việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí trong dự toán theo quy định;

c) Xác định giá trị dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình.

4. Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực thẩm định thì được phép thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra thiết kế, dự toán công trình làm cơ sở cho việc phê duyệt. Tùy theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán có thể thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này.

5. Chi phí thẩm định, thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình do Bộ Xây dựng hướng dẫn và được tính vào tổng mức đầu tư, tổng dự toán xây dựng công trình.

Điều 22. Dự toán và tổng dự toán xây dựng công trình

1. Dự toán xây dựng được xác định theo công trình xây dựng. Dự toán xây dựng công trình bao gồm dự toán xây dựng các hạng mục, dự toán các công việc của các hạng mục thuộc công trình.

Dự toán xây dựng công trình được lập trên cơ sở khối lượng xác định theo thiết kế hoặc từ yêu cầu, nhiệm vụ công việc cần thực hiện của công trình và đơn giá, định mức chi phí cần thiết để thực hiện khối lượng đó. Nội dung dự toán xây dựng công trình bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí khác và chi phí dự phòng.

2. Dự toán xây dựng công trình được phê duyệt là cơ sở để ký kết hợp đồng, thanh toán giữa chủ đầu tư với các nhà thầu trong các trường hợp chỉ định thầu; là cơ sở xác định giá thành xây dựng công trình.

3. Tổng dự toán xây dựng công trình của dự án là toàn bộ chi phí cần thiết để đầu tư xây dựng công trình, được xác định trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với các trường hợp thiết kế 1 bước và 2 bước và là căn cứ để quản lý chi phí xây dựng công trình.

Tổng dự toán bao gồm tổng các dự toán xây dựng công trình và các chi phí khác thuộc dự án. Đối với dự án chỉ có một công trình thì dự toán xây dựng công trình đồng thời là tổng dự toán.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước khi khởi công xây dựng công trình phải có thiết kế, dự toán và tổng dự toán được duyệt. Các dự án quan trọng quốc gia hoặc nhóm A nếu chưa có tổng dự toán được duyệt nhưng cần thiết phải khởi công thì công trình hoặc hạng mục công trình khởi công phải có thiết kế và dự toán được duyệt. Chậm nhất là đến khi thực hiện được 30% giá trị xây dựng trong tổng mức đầu tư phải có tổng dự toán được phê duyệt.

Điều 23. Thay đổi thiết kế, điều chỉnh dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình

1. Thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt chỉ được phép thay đổi theo quy định tại Điều 17 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ.

2. Dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình chỉ được điều chỉnh khi xảy ra một trong các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Bản quy định này.

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước :

- Nếu tổng dự toán được điều chỉnh vượt tổng dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư phải thẩm định, phê duyệt lại đồng thời báo cáo bằng văn bản cho người quyết định đầu tư. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của kết quả thẩm định, phê duyệt của mình so với tổng dự toán phê duyệt lần đầu.

- Trường hợp tổng dự toán điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án trước khi điều chỉnh dự toán và tổng dự toán.

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc nguồn vốn khác Chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 24. Công tác đấu thầu, chỉ định thầu đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước hoặc có phần vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ

1. Điều kiện tổ chức đấu thầu:

a. Các dự án, gói thầu được UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn giao kế hoạch thực hiện đầu tư hàng năm, đồng thời phải hoàn thành cơ bản công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư của gói thầu.

b. Những gói thầu thực hiện khác với quy định trên phải được UBND tỉnh cho phép thực hiện theo cơ chế riêng.

2. Kế hoạch đấu thầu:

a. Kế hoạch đấu thầu phải được người có thẩm quyền phê duyệt sau khi quyết định đầu tư hoặc phê duyệt đồng thời với quyết định đầu tư.

b. Các căn cứ lập kế hoạch đấu thầu, nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu và trình duyệt kế hoạch đấu thầu theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ.

3. Giá gói thầu:

Giá gói thầu là giá trị của gói thầu được xác định trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán, dự toán được duyệt và các qui định hiện hành.

4. Hình thức lựa chọn Nhà thầu:

Việc lựa chọn Nhà thầu thực hiện theo Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Luật Đấu thầu.

5. Trình tự thực hiện đấu thầu:

Thực hiện theo Điều 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 của Luật Đấu thầu.

6. Hình thức hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng:

a) Hình thức hợp đồng: Chủ yếu áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá và hình thức hợp đồng trọn gói theo Điều 49 và 50 của Luật Đấu thầu .

b) Điều chỉnh hợp đồng:

Thực hiện theo Điều 57 của Luật Đấu thầu và phù hợp với quy định tại Điều 17 và Điều 22 của Bản quy định này.

7. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trong công tác đấu thầu:

7.1. Phân cấp:

a) Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt các bước trong quá trình tổ chức đấu thầu đối với các dự án có mức vốn từ 5 tỷ đồng trở lên, các gói thầu thuộc phần vốn ngân sách hỗ trợ cho các dự án do doanh nghiệp quyết định đầu tư và các dự án được ủy quyền của Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương.

b) Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức thẩm định và phê duyệt các bước trong quá trình tổ chức đấu thầu đối với các dự án do mình quyết định đầu tư hoặc được phân cấp quyết định đầu tư và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

7.2. Thẩm định các bước trong đấu thầu:

a) Kế hoạch đấu thầu:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đấu thầu đối với các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố thẩm định kế hoạch đấu thầu đối với các dự án do UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

b) Hồ sơ mời thầu:

- Các Sở chuyên ngành tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu của các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc dự án do UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

d) Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả chỉ định thầu:

Việc áp dụng hình thức chỉ định thầu phải được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 20 của Luật Đấu thầu và Điều 101 của Luật Xây dựng.

- Trên cơ sở báo cáo kết quả chỉ định thầu, báo cáo thẩm định, người quyết định đầu tư phê duyệt hoặc uỷ quyền phê duyệt kết quả chỉ định thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu từ 500 triệu đồng trở lên, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ gói thầu lựa chọn nhà thầu thiết kế) có giá gói thầu từ 1 tỷ đồng trở lên; Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng, gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp có giá gói thầu dưới 1 tỷ đồng đối với các gói thầu thuộc dự án quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 1 của Luật Đấu thầu;

- Đối với gói thầu thực hiện chỉ định thầu thuộc dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu, Chủ đầu tư trình báo cáo kết quả chỉ định thầu lên Thủ tướng Chính phủ (trường hợp Thủ tướng Chính phủ trực tiếp phê duyệt) hoặc lên người được Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định 111/2006/NĐ-CP.

e) Thời gian thẩm định đối với từng nội dung về kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa là 20 ngày.

8. Quản lý nhà nước về đấu thầu:

Định kỳ hàng tháng, quý, năm, chủ đầu tư và các đơn vị tổ chức thẩm định các bước trong quá trình tổ chức đấu thầu có báo cáo cụ thể về tình hình thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, báo cáo UBND tỉnh hàng tháng, quý, năm để UBND tỉnh chỉ đạo điều hành.

UBND tỉnh tổng kết công tác đấu thầu hàng năm và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

9. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu:

Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thực hiện theo Điều 47, 48, 49 Nghị định 111/2006/NĐ-CP. Quy trình giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thực hiện theo Điều 72, 73 Luật Đấu thầu.

Điều 25. Quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố có kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng; đồng thời lập kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về chất lượng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

- Sở Xây dựng phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hướng dẫn về nghiệp vụ, xử lý và kiến nghị xử lý các sự cố đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; hướng dẫn hoạt động kiểm tra, chứng nhận chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa theo quy định.

- Các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về chất lượng công trình xây dựng gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư là người chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp, toàn diện về chất lượng công trình xây dựng và hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng được giao làm chủ đầu tư. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng phải được thực hiện ngay từ khi khảo sát xây dựng, lập thiết kế, tổ chức thi công đến khi hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Để quản lý chất lượng thi công xây dựng, Chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án hoặc thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án. Chủ đầu tư tự tổ chức giám sát chất lượng thi công công trình hoặc giao cho tổ chức tư vấn quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình.

- Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Chủ đầu tư (khi công trình đang thi công xây dựng), chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng (khi công trình đang sử dụng, vận hành, khai thác) phải lập báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng theo mẫu quy định trong thời hạn 24 giờ sau khi xảy ra sự cố, gửi đến Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm lập hồ sơ sự cố công trình theo quy định.

Điều 26. Bảo hành, bảo trì công trình xây dựng

Thực hiện theo Điều 29, 30, 31, 32, 33, 34 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 27. Giám sát, đánh giá đầu tư

1. Giám sát, đánh giá đầu tư là hoạt động theo dõi, kiểm tra và xác định mức độ đạt được so với yêu cầu của quá trình đầu tư của tỉnh và của từng dự án đầu tư. Giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm :

- + Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của tỉnh;
- + Giám sát, đánh giá từng dự án đầu tư.

2. Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án đầu tư do mình quản lý theo quy định. Định kỳ 3 tháng một lần tổng hợp báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan trực tiếp quản lý chủ đầu tư để theo dõi, giám sát, đánh giá, hỗ trợ quản lý dự án; kiến nghị các giải pháp khắc phục nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, phân tích, đánh giá và trình UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết; đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định (6 tháng một lần). Nội dung báo cáo theo quy định hiện hành.

3. Các dự án đầu tư không thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định thì không được phép điều chỉnh, bổ sung dự án.

4. Thực hiện công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính.

Mục 4

QUẢN LÝ CHI PHÍ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 28. Phương thức chuyển vốn và thanh toán vốn đầu tư

1. Phương thức chuyển vốn:

Các dự án đầu tư có Quyết định của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch vốn hằng năm, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo hạn mức vốn kịp thời qua Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện việc kiểm soát, thanh toán theo quy định hiện hành.

2. Thanh toán vốn đầu tư :

a) Việc thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước, thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

b) Đối với giá trị khối lượng phát sinh không do nhà thầu gây ra, không làm thay đổi quy mô đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư được duyệt, thì được thanh toán sau khi có dự toán bổ sung được duyệt. Đơn vị trúng thầu (hoặc chỉ định thầu) thì công công trình đương nhiên được tiếp tục thi công khối lượng phát sinh;

c) Đơn giá thanh toán khối lượng phát sinh là đơn giá trúng thầu (hoặc chỉ định thầu) và tổng giá trị thanh toán không được vượt dự toán bổ sung đã được duyệt. Nếu công việc phát sinh không có trong đơn giá dự thầu thì trên cơ sở đơn giá dự toán bổ sung lập tại thời điểm dự toán được phê duyệt, thanh toán giảm theo tỷ lệ % tương ứng với kết quả trúng thầu (hoặc chỉ định thầu). Phần chi phí tư vấn phát sinh do thiếu sót của tư vấn thì tư vấn không được thanh toán;

d) Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai và đôn đốc việc thi công đúng tiến độ theo hợp đồng được ký kết và tổ chức nghiệm thu khối lượng theo từng giai đoạn hoàn thành, đồng thời gửi hồ sơ đến cơ quan kiểm soát thanh toán vốn để thanh toán kịp thời, tránh tình trạng thanh toán dồn ập vào cuối năm;

e) Kế hoạch vốn thực hiện đầu tư hoặc chuẩn bị xây dựng của các dự án phân bổ hàng năm được sử dụng để thanh toán khối lượng theo dự toán chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vốn chuẩn bị đầu tư còn thừa được thanh toán vào giai đoạn chuẩn bị xây dựng;

g) Các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước do UBND tỉnh quản lý thì giao cho Sở Tài chính thẩm định và phê duyệt dự toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành;

h) Dự án do UBND huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn quản lý do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố thẩm định dự toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án.

Điều 29. Quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo hướng dẫn của Bộ Tài chính ngay sau khi công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

2. Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện cho đầu tư xây dựng công trình và đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã được phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung hoặc là chi phí được thực hiện đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

thì vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

4. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư sử dụng đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý (đối với cấp tỉnh là Sở Tài chính, đối với cấp huyện là Phòng Tài chính- Kế hoạch) để trực tiếp thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc thẩm tra lại đối với các dự án thuê kiểm toán vốn đầu tư trước khi phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt chậm nhất là 12 tháng đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A và 9 tháng đối với các dự án nhóm B và 6 tháng đối với các dự án nhóm C kể từ khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng. Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư.

6. Thời gian thẩm tra hồ sơ quyết toán được quy định như sau:

- Dự án nhóm A: Tối đa không quá 04 tháng (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ);
- Dự án nhóm B: Tối đa không quá 03 tháng (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ);
- Dự án nhóm C: Tối đa không quá 02 tháng (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ);

7. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng thuộc tỉnh quản lý.

8. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền được phân cấp quyết định đầu tư.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 30. Công tác báo cáo, trực báo

1. Các Sở, Ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Kho bạc Nhà nước và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm gửi UBND tỉnh; đồng thời gửi cho các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh.

2. Thực hiện chế độ giao ban về quản lý đầu tư xây dựng công trình định kỳ hàng quý do UBND tỉnh chủ trì; ngoài ra tùy tình hình thực tế việc triển khai các dự

án đầu tư do tỉnh quản lý, UBND tỉnh còn tổ chức giao ban XDCB đột xuất. UBND các huyện, thành phố, Sở, ngành tổ chức giao ban XDCB hàng tháng đối với những công trình do đơn vị mình quản lý.

Điều 31. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ các đơn vị trực thuộc, các chủ đầu tư trong việc tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả và bảo đảm mục tiêu kế hoạch đã giao.

Điều 32. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt trước ngày Bản quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại dự án, các công việc tiếp theo được thực hiện theo Bản quy định này.

2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình chưa được phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Bản quy định này.

Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp thì các Sở, ngành, cơ quan, địa phương kiến nghị với UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế